

**QUY ĐỊNH VỀ VIỆC XÉT MIỄN VÀ CÔNG NHẬN GIÁ TRỊ CHUYÊN ĐỔI  
KẾT QUẢ HỌC TẬP TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

*(Kèm theo Quyết định số 237/QĐ-ĐHVTT-ĐT&CTSV ngày 19 tháng 6 năm 2017  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Võ Trường Toản)*

**Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng**

1. Quy định này quy định việc xét miễn và công nhận giá trị chuyên đổi kết quả học tập trong chương trình đào tạo trình độ đại học (sau đây gọi là xét miễn và công nhận điểm học phần).

2. Quy định này áp dụng đối với sinh viên hệ liên thông chính quy tại Trường Đại học Võ Trường Toản.

**Điều 2. Căn cứ để xét miễn và công nhận điểm học phần**

Căn cứ để xét miễn và công nhận điểm học phần là chương trình đào tạo của ngành đào tạo mà sinh viên đăng ký học tại Trường Đại học Võ Trường Toản và kết quả học tập mà sinh viên đã tích lũy ở chương trình đào tạo khác.

**Điều 3. Nguyên tắc xét miễn và công nhận điểm học phần**

1. Trên cơ sở kết quả học tập sinh viên đã tích lũy được trước khi trúng tuyển tại Trường Đại học Võ Trường Toản, sinh viên có thể đề nghị xét miễn hoặc đề nghị công nhận giá trị chuyên đổi kết quả học tập nếu đủ các điều kiện sau đây:

- Đối với các học phần thuộc khối kiến thức đại cương, sinh viên có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy trong đó đã tích lũy các học phần thuộc khối kiến thức đại cương với nội dung và thời lượng quy đổi từ bằng đến cao hơn chương trình đào tạo tại Trường Đại học Võ Trường Toản.

- Sinh viên thương tật, khuyết tật bẩm sinh, bị bệnh mãn tính làm hạn chế chức năng vận động, không đủ sức khỏe học một số nội dung trong chương trình Giáo dục thể chất được xem xét miễn nhưng phải có giấy chứng nhận, xác nhận của cơ quan giám định y khoa hoặc bệnh viện từ cấp quận/huyện hoặc tương đương trở lên.

- Đối với các học phần Giáo dục quốc phòng – An ninh, Trường Đại học Võ Trường Toản xét miễn dựa trên các quy định đang có hiệu lực thi hành tại thời điểm xét.

- Đối với các học phần khác, sinh viên đã tích lũy học phần với nội dung và thời lượng quy đổi từ bằng đến cao hơn chương trình đào tạo tại Trường Đại học Võ Trường Toản, xét trên cùng trình độ đào tạo.

2. Kết quả xét miễn học phần được ghi nhận trong bảng điểm học tập toàn khóa của sinh viên là điểm “M”.

3. Tổng số tín chỉ xét miễn trong toàn chương trình đào tạo của sinh viên không vượt quá 36 tín chỉ.

4. Học phần xét miễn không thuộc danh mục học phần nòng cốt của chương trình đào tạo (Phụ lục).

#### **Điều 4. Quy trình xét miễn và công nhận điểm học phần**

1. Bước 1: Khoa đào tạo thành lập tiểu ban xét miễn và công nhận điểm học phần. Tiểu ban do Trưởng Khoa đào tạo ra quyết định thành lập, có số thành viên là số lẻ, tối thiểu gồm 3 người.

2. Bước 2: Sinh viên nộp hồ sơ tại Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên từ ngày 01 đến ngày 08 hàng tháng.

3. Bước 3: Trước ngày 15 hàng tháng, Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên giao hồ sơ đăng ký xét miễn và công nhận điểm học phần cho các khoa đào tạo.

4. Bước 4: Tiểu ban xét miễn và công nhận điểm học phần căn cứ vào các nguyên tắc tại Điều 3 thực hiện và gửi kết quả xét về Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên trước ngày 25 hàng tháng.

5. Bước 5: Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên công bố kết quả xét miễn và công nhận điểm học phần cho sinh viên từ ngày 01 của tháng liền kế tiếp theo.

6. Bước 6: Báo cáo Ban Giám hiệu và nhập kết quả vào Hệ thống Quản lý đào tạo.

#### **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên chịu trách nhiệm triển khai để công tác xét và công nhận điểm học phần được thực hiện một cách khoa học và hiệu quả theo quy định.

2. Tất cả các trường hợp phát sinh khác liên quan đến công tác xét miễn và công nhận điểm học phần sẽ do Hiệu trưởng quyết định.

3. Trong quá trình thực hiện, Hiệu trưởng xem xét, quyết định việc tiếp thu và kiến nghị sửa đổi quy định cho phù hợp với thực tế trên cơ sở đề xuất của các bên có liên quan./.

## PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 237/QĐ-ĐHVTT-ĐT&CTSV ngày 19 tháng 6 năm 2017  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Võ Trường Toản)

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
<i>Chương trình đào tạo ngành Y đa khoa</i>			
1	TCDB001	Anh văn 1	4
2	TCDB002	Anh văn 2	4
3	TCDB003	Anh văn 3	4
4	TCDB004	Anh văn 4	4
5	TCDB005	Anh văn 5	4
6	TCDB006	Anh văn 6	4
7	TCDY138	Anh văn chuyên ngành 1	3
8	TCDY139	Anh văn chuyên ngành 2	3
9	TCDB103	Bóng đá căn bản 1	1
10	TCDB104	Bóng đá căn bản 2	1
11	TCDY107	Các vấn đề dân số, sức khỏe bà mẹ trẻ em, sức khỏe sinh sản	1
12	TCDY108	Chương trình Y tế quốc gia	1
13	TCDY009	Di truyền học	2
14	TCDY024	Dịch tễ học	2
15	TCDB101	Điền kinh 1 ( Chạy cự ly trung bình)	1
16	TCDB102	Điền kinh 2 (nhảy xa)	1
17	TCDY026	Điều dưỡng cơ bản	2
18	TCDY109	Dinh dưỡng và Vệ sinh an toàn thực phẩm	2
19	TCDB014	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	3
20	TCDB123	Giáo dục quốc phòng - An ninh (HP1)	3
21	TCDB122	Giáo dục quốc phòng - An ninh (HP2)	2
22	TCDB124	Giáo dục quốc phòng - An ninh (HP3)	3
23	TCDY003	Giáo dục và nâng cao sức khỏe	1
24	TCDD001	Hóa đại cương - Vô cơ 1	2
25	TCDD006	Hóa đại cương - Vô cơ 2	2
26	TCDD112	Hóa hữu cơ	2
27	TCCD078	Hóa sinh 2	2
28	TCDY030	Khoa học môi trường và sức khỏe môi trường	2
29	TCDY012	Lý sinh	1
30	TCDB015	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	5
31	TCDY069	Pháp y	1
32	TCDY079	Phục hồi chức năng	1
33	TCDY152	Phương pháp nghiên cứu khoa học	1
34	TCDD093	Sinh học đại cương	2
35	TCDY019	Tâm lý Y học - Đạo đức Y học	1
36	TCDY101	Thực tập cộng đồng 1	2
37	TCDY098	Thực tập cộng đồng 2	2

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
38	TCDY142	Tiền lâm sàng 1	1
39	TCDY143	Tiền lâm sàng 2	1
40	TCDY144	Tiền lâm sàng 3	1
41	TCDC049	Tin học	3
42	TCDY159	Tổ chức y tế	1
43	TCDB132	Toán - Thống kê Y Dược	2
44	TCDB133	Toán cao cấp	2
45	TCDY025	TT. Dịch tễ học	1
46	TCDY027	TT. Điều dưỡng cơ bản	1
47	TCDD010	TT. Hóa đại cương - Vô cơ 2	1
48	TCCD079	TT. Hóa sinh 2	1
49	TCDY013	TT. Lý sinh	1
50	TCDY070	TT. Pháp y	1
51	TCDY080	TT. Phục hồi chức năng	1
52	TCDD094	TT. Sinh học đại cương	1
53	TCDY146	TT. Y học gia đình	1
54	TCDB016	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
55	TCDY117	Ung thư đại cương	1
56	TCDD104	Vật lý đại cương	1
57	TCDY145	Y học gia đình	1
<i>Chương trình đào tạo ngành Dược học</i>			
1	TCDB004	Anh văn 4	4
2	TCDB005	Anh văn 5	4
3	TCDB006	Anh văn 6	4
4	TCDD123	Anh văn chuyên ngành	2
5	TCDD065	Dược lý 3	2
6	TCDD083	Hóa sinh lâm sàng	2
7	TCDD084	Hóa trị liệu	1
8	TCDK074	Kinh tế doanh nghiệp	2
9	TCDK079	Kinh tế dược 2	1
10	TCDK076	Marketing và thị trường dược phẩm	2
11	TCDD088	Một số dạng bào chế đặc biệt	1
12	TCDD091	Nhóm GP (GDP, GSP, GPP)	2
13	TCDC044	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
14	TCDK092	Quản trị kinh doanh dược	2
15	TCDD095	Sử dụng thuốc trong điều trị	3
16	TCDD115	Thực hành dược khoa 2 - P1	1
17	TCDD116	Thực hành dược khoa 2 - P2	2

*Chương trình đào tạo ngành Kế toán, Tài chính – Ngân hàng:* Chỉ xét miễn và công nhận điểm học phần đối với các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, không xét miễn các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.